

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**  
Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/11/2018  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Viết Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Hồ Tấn Sỹ;

2/ Bà Nguyễn Thị Tố Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:** Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Ngày 06/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31/7/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* anh Nguyễn M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: khu dân cư T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Q.

\* *Bị đơn:* chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Các đương sự, nguyên đơn anh Nguyễn M (có mặt), bị đơn chị Lê Thị Kim Ph (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 31/7/2018, bản khai ngày 31/7/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Giữa anh Nguyễn M và chị Lê Thị Kim Ph tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lo lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh vào ngày 09/01/2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình

không hòa hợp nhau, nên dẫn đến cãi vã với nhau thường xuyên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do không sống chung được với nhau nên vợ chồng anh M và chị Ph sống ly thân nhau khoảng 03 năm nay, phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau.

Trong thời gian vợ chồng anh M và chị Ph xảy ra mâu thuẫn, giữa hai bên gia đình anh chị có động viên hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ làm ăn, nuôi con nhưng vợ chồng anh M và chị Ph không đoàn tụ được.

Nay anh M xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ph để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung:

Trong thời gian sống chung vợ chồng anh M và chị Ph sinh được một đứa con chung đặt tên là Nguyễn Nguyên Kh, sinh ngày 20/7/2013, hiện nay do anh M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh M xin tiếp tục được nhận nuôi cháu Kh, anh không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh M và chị Ph không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

\* Tại bản khai ngày 15/8/2018 chị Lê Thị Kim Ph trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, chị Ph trình bày có nội dung thống nhất như lời trình bày ở trên của anh M.

Nay anh M xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn anh M để giải phóng cho đôi bên.

Khi ly hôn, về con chung chị Ph đồng ý giao cháu Nguyễn Nguyên Kh cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh M và chị Ph không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên chị Ph không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký giúp việc cho Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn: bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Không tham gia theo giấy triệu tập Tòa án).

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 189 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận cho anh Nguyễn M được ly hôn với chị Lê Thị Kim Ph.

Giao cháu Nguyễn Nguyên Kh, sinh ngày 20/7/2013 cho anh Nguyễn M chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh M.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ cho chị Lê Thị Kim Ph theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chị Lê Thị Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở xét xử vắng mặt chị Ph, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: anh Nguyễn M và chị Lê Thị Kim Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09/01/2015 (Bút lục 06). Vì vậy, hôn nhân giữa anh M và chị Ph là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, do anh M và chị Ph sống không hợp tính với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Do sống chung với nhau không được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau gần 03 năm nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có động viên hòa giải nhưng không thành (Bút lục 31, 32 và 33). Xét thấy, tình cảm của anh M và chị Ph không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh M xin ly hôn chị Ph là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M xin ly hôn chị Ph.

[3] *Về con chung*: Tại phiên Tòa hôm nay anh M có nguyện vọng xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Nguyên Kh, sinh ngày 20/7/2013, anh không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của anh M cũng như qua ý kiến của chị Ph tại bản khai ngày 15/8/2018 đồng ý giao cháu Kh cho anh M nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Kh cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Giữa anh M và chị Ph không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: vợ chồng anh M và chị Ph không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Q là phù hợp với nhận định ở trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

*Về quan hệ hôn nhân*: anh Nguyễn M được ly hôn chị Lê Thị Kim Ph.

*Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Nguyên Kh, sinh ngày 20/7/2013 cho anh M nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Và khi cần thiết một trong hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Giữa anh M và chị Ph không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về án dân sự sơ thẩm*: anh Nguyễn M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002413 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn anh Nguyễn M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn chị Lê Thị Kim Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Viết Tiến**

